

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 28-02-2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Tùng

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 413/2021/LTST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/TB-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Ông Phạm Quang Đ, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 81 Quốc lộ 1, khu phố ND, phường XT, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1967

Nơi cư trú cuối cùng: Số 118, Nguyễn Tri P, khu phố 4, phường XA, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2021 lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn ông Phạm Quang Đ trình bày:

Ông Phạm Quang Đ và bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường XA, thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh), tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/11/2017.

Sau khi chung sống với nhau được khoảng một tháng thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính tình không hợp, bà T thường ghen tuông vô cớ mỗi khi ông Đ đi ra ngoài. Do không tin tưởng ông Đ nên nhiều lần bà T vô cớ chửi bới, xúc phạm và đe dọa sức khỏe, tính mạng của ông Đ. Do thấy bà T tính tình hung dữ, độc đoán nên ông Đ đã bỏ về sinh sống tại số nhà 81, quốc lộ 1A, khu phố ND, phường XT, còn bà T ở lại tại số nhà 118 Nguyễn Tri P, khu phố 4, phường XA. Trong thời gian này vợ chồng không ai liên lạc với ai. Khoảng một tháng sau, ông Đ quay về nhà của bà T để nói chuyện thì được biết bà T đã bỏ nhà đi, nhà khóa cửa. Ông Đ có đi tìm kiếm nhưng không có kết quả. Vào năm 2020, ông Đ có làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh giải quyết việc dân sự “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích”. Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh đã ban hành quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 16/QĐST-VDS ngày 15/10/2021 tuyên bố bà Nguyễn Thị Kim T mất tích. Từ đó đến nay, ông Đ cũng không có tin tức gì của bà T. Nay ông Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, để ổn định đời sống riêng, ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử không có ý kiến, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); sổ hộ khẩu của gia đình (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Quyết định giải quyết việc dân sự số 16/QĐST-VDS, ngày 15/10/2021 (bản sao); lời khai của nguyên đơn tại bản tự khai. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản xác minh ngày 14/01/2021, biên bản lấy lời khai.

Tại Biên bản xác minh ngày 14/01/2011, Ủy ban nhân dân phường XA cung cấp như sau: Bà Nguyễn Thị Kim T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 118 Nguyễn Tri P, khu phố 4, phường XA, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, bà T không sinh sống tại đây từ năm 2018 cho đến nay.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Ông Đ được ly hôn với bà T; về con chung: Không có nên không xem xét; về tài sản chung: Ông Đ khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Ông Đ khai không có, nên không xem xét;

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Quang Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim T. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T có nơi cư trú cuối cùng tại khu phố 4, phường XA, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Đ và bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường XA, thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh), được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định, vào sổ cấp giấy số 106 ngày 16/11/2017 (bút lục số 07), do đó đây là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống giữa ông Đ và bà T không hạnh phúc, do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, thời gian chung sống với nhau chỉ một thời gian ngắn. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thì bà T đã tự bỏ nơi cư trú đi đâu làm gì không thông báo cho ông Đ, không liên lạc với ông Đ. Ông Đ đã tìm đủ mọi biện pháp để liên lạc, tìm kiếm thông tin địa chỉ của bà T nhưng vẫn không có tin tức gì. Ông Đ đã yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và yêu cầu tuyên bố mất tích đối với bà T, nội dung thông báo đều được đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhưng kể từ khi bị Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh tuyên bố mất tích cho đến nay ông Đ không nhận được tin tức gì của bà T. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với các biên bản xác minh và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử nhận thấy, thời gian bà Thanh bỏ nhà đi đã lâu và đã được Tòa án tuyên bố mất tích bằng một quyết định có hiệu lực pháp luật. Như vậy, có đủ cơ sở xác định, vợ chồng ông Đ, bà T không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của ông Đ thuộc trường hợp ly hôn với người mất tích. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật

Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự xét yêu cầu của ông Đ xin ly hôn với bà T là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Nguyên đơn xác định vợ chồng chung sống không có con chung nên không đặt ra xem xét

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Đối với bà T không có lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử và vắng mặt tại phiên tòa, nên nếu có yêu cầu giải quyết về con chung, chia tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[8] Về án phí: Ông Đ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó ông Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quang Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Quang Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim T

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét;

Đối với bà T, nếu có yêu cầu giải quyết về con chung, chia tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Ông Phạm Quang Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Đ đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0005132 ngày 09/11/2021

tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Ông Định đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Đ, bà T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Long Khánh;
- THADS TP. Long Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Trang

